TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI

Bản án số: 22/2019/HNGĐ- ST
Ngày 27-6-2019
V/v ly hôn và nuôi con chung sau khi ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh P

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN- TỈNH YÊN BÁI
Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phạm Thanh Châu Giang
- Bà Triệu Thị Thu Hương

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Hoàng Long - Thư ký Toà án nhân dân huyện Văn Yên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cao Cường- Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Yên mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 05-6-2019; quyết định hoãn phiên tòa số 12/2019/QĐST- HNGĐ ngày 18-6-2019 giữa;

Nguyên đơn: Chị Lương Bích L, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái- Có mặt

Bị đơn: Anh Đặng Quang T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và bản tự khai ngày 08 tháng 5 năm 2019 nguyên đơn chị Lương Bích L trình bày. Tôi và anh Đặng Quang T kết hôn với nhau ngày 15-12-2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh P đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời, cờ bạc, mắc tệ nạn xã hội nghiện hút không quan tâm đến vợ con. Tôi đã khuyên bảo nhưng

anh T không thay đổi. Nay tôi xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn anh T.

Về con chung: Tôi và anh T có hai con tên là Đặng Anh Đ, sinh ngày 21-7-2010 và Đặng Hồng P, sinh ngày 15-6-2015. Tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai cháu Đ và cháu P, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và anh T không có tài sản chung, không nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Đặng Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để T hành giải quyết vụ án, nhưng đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không T hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên tại phiên tòa hôm nay phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử T hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56 và 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 xử chị Lương Bích L được ly hôn anh Đặng Quang T; giao hai cháu Đặng Anh Đ, sinh ngày 21-7-2010 và Đặng Hồng P, sinh ngày 15-6-2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đặng Quang T không phải cấp dưỡng nuôi con; chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng*: Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đã T hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng*: Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn, bị đơn trong vụ án.

{3} *Về tình cảm:* Chị Lương Bích L và anh Đặng Quang T kết hôn với nhau ngày 15-12-2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Xã C, huyện V, tỉnh

Yên Bái, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị L và anh T chung sống hạnh P đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T chơi bời, cờ bạc, mắc tệ nạn xã hội nghiện hút không quan tâm đến vợ con. Chị L đã khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Qua xác minh tại thôn xóm nơi chị L và anh T cư trú sinh sống cũng xác nhận: Cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh T chung sống hạnh P đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T mắc vào tệ nạn xã hội chơi bời nghiện ma túy. Anh T đã bị áp dụng biện pháp bắt buội cai nghiện. Sau khi đi cai nghiện về anh T không từ bỏ được ma túy. Hiện nay anh T đang là đối tượng nghiện bị theo dõi ở địa phương. Anh T hay bỏ nhà đi đâu không rõ, khi về nhà lại phá tán tài sản gia đình, không quan tâm chăm lo đến vợ con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị L và anh T là trầm trọng. đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chị L được ly hôn anh T.

{4} *Về con chung*: Chị L và anh T có hai con tên là Đặng Anh Đ, sinh ngày 21-7-2010 và Đặng Hồng P, sinh ngày 15-6-2015. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai cháu Đ và cháu P, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Đ và cháu P hiện nay đang ở với chị L. Nguyện vọng của cháu Đ muốn được ở cùng chị L. Cháu P còn nhỏ cần sự chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ. Nên yêu cầu nuôi con của chị L là có căn cứ, phù hợp pháp luật, phù hợp với thực tế và nguyện vọng của các con được chấp nhận, Áp dụng các Điều 81, 82 và 83 luật hôn nhân và gia đình xử: Giao hai cháu Đặng Anh Đ và cháu Đặng Hồng P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

{5} *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị L và anh T không có tài sản chung, không nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nêm Hội đồng xét xử không xem xét

{6} *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật

{7} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, khoản 2 Điều 227, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- Về quan hệ hôn nhân xử: Chị Lương Bích L được ly hôn anh Đặng Quang T

2- Về con chung xử: Giao hai cháu Đặng Anh Đ, sinh ngày 21-7-2010 và cháu Đặng Hồng P, sinh ngày 15-6-2015cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T bên không phải cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3- Về án phí: Chị Lương Bích L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số: AA/2017/0001356 ngày 08-5-2019 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- Quyền kháng cáo:

Chị Lương Bích L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đặng Quang T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA Tỉnh Yên Bái;
- VKS Văn Yên;
- CCTHA Văn Yên;
-UBND xã C;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

Hoàng Văn Anh